

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày 21-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Huân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Tuấn và ông Thùng Văn Liên

- Thư ký phiên toà: Ông Lò Văn Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Phùng Việt Hùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại Nhà Văn hóa của Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Thào A P, sinh năm 1978 tại huyện N, tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản H, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: H'Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Thào A C; Con bà: Hạng Thị M, đã chết.

Bị cáo có vợ Giàng Thị S, sinh năm 1979 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/12/2018, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Bùi Đình M, Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Người có nghĩa vụ liên quan:** Sùng Thị D (Tên gọi khác Sùng Thị M), sinh năm 1990, địa chỉ bản H, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 24 tháng 12 năm 2018, Sùng Thị D bản H, xã N, huyện N gọi điện thoại cho Thào A P ở cùng bản sang nhà D. Bị cáo Thào A P sang đến nơi thì Sùng Thị D lấy cho P một ít Heroine sử dụng đồng thời đưa cho P 1.000.000 đồng để P đi mua ma túy cho D. Bị cáo nhận tiền của D rồi đi bộ lên gần biên giới Việt Nam - Lào liên lạc với người của D để trao đổi mua ma túy. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 24/12/2018, bị cáo Thào A P gặp một người phụ nữ dân tộc Thái khoảng 50 tuổi bị cáo không rõ lai lịch. Sau khi trao đổi đúng là người của D thì bị cáo đưa số tiền 1.000.000 đồng và nhận 02 gói ma túy. Trong 02 gói có một gói chứa 03 gói ni lông màu trắng bên trong các gói đều chứa Heroine và một gói chứa 02 gói ni lông màu trắng thì một gói là Heroine, một gói chứa 05 viên Methamphetamine. Nhận ma túy xong bị cáo cầm trên tay phải quay trở về nhà. Hồi 14 giờ 15 phút ngày 24/12/2018, khi đang trên đường về nhà đến khu vực bản H, xã N, huyện N thì bị cáo bị tổ công tác Công an huyện N phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Cáo trạng số 29/CT-VKSNP ngày 16/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Thào A P về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; Điều 38, Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Thào A P từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội và lời bào chữa của Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 14 giờ 30 phút ngày 24/12/2018 bút lục 01, 02, người bị bắt Thảo A P công nhận đã bị cơ quan Công an bắt quả tang thu giữ 02 gói được gói bằng ni lông màu trắng, mở bên trong gói thứ nhất có các gói ni lông chứa chất bột màu trắng đục nghi là Heroine. Gói thứ hai chứa một gói chất bột màu trắng đục nghi là Heroine và một gói chứa 05 viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp. Vật chứng bị thu giữ bị cáo Thảo A P khai và thừa nhận là của bị cáo.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 15 giờ 00 phút ngày 25/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bút lục số 27, 28 thì khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Thảo A P là 7,19 gam Heroine, trích mẫu gửi giám định 0,56 gam và 0,45 gam ma túy tổng hợp, trích mẫu gửi giám định 0,08 gam.

Kết luận giám định số 175/GĐ-PC09 ngày 03/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 33 thì mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Thảo A P gửi giám định là chất ma túy loại Heroine; mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Thảo A P gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine. Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, mục IA danh mục I; Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, mục IIC danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Các biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can của Thảo A P từ bút lục số 59 đến 70 chứng minh bị cáo Thảo A P đã tàng trữ trái phép 7,19 gam Heroine và 0,45 Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân.

Biên bản ghi lời khai của Sùng Thị D từ bút lục số 47 đến 50, Sùng Thị D không thừa nhận đã đưa số tiền 1.000.000 đồng cho Thảo A P đi mua ma túy. Sùng Thị D thừa nhận có đưa số tiền 500.000 đồng cho Thảo A P để nhờ P đi mua gạo giúp cho gia đình.

Biên bản đối chất hồi 14 giờ 30 phút ngày 02/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tại bút lục 51 đối chất giữa Sùng Thị D và bị can Thảo A P. Sùng Thị D không thừa nhận đưa tiền cho Thảo A P đi mua ma túy theo lời khai của bị can Thảo A P.

Các biên bản xác minh từ bút lục số 54 đến 56 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N xác minh nhân thân của đối tượng Sinh A C, sinh năm 1976, địa chỉ ở bản Mốc 4, xã N1, huyện N, tỉnh Điện Biên. Chứng cứ chứng minh đối tượng không có mặt tại địa bàn cư trú.

Bản Kết luận điều tra số 29/KLĐT ngày 18/4/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N kết luận chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án và bản Kết luận điều tra đến Viện kiểm sát nhân dân huyện N đưa bị can Thảo A P ra truy tố công khai trước pháp luật về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Thảo A P có tội. Chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Thảo A P có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội:

Khối lượng ma túy bị thu giữ của Thảo A P là 7,19 gam Heroine và 0,45 gam Methamphetamine. Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự thì tổng khối lượng hai chất ma túy được cộng vào để làm căn cứ truy tố, xét xử đối với bị cáo là 7,64 gam. Khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ ở trong khoảng từ 05 gam đến dưới 30 gam. Tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù.

[4] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo sinh ra và lớn lên ở xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên. Năm 1994, bị cáo cùng gia đình chuyển đến sinh sống tại bản H, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên. Tuổi đời bị cáo đã cao nhưng do nghiện chất ma túy nhiều năm bị cáo không từ bỏ được. Đây là nguyên nhân chính mà bị cáo phải nhận một bản án không đáng có trong đời.

[5] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa bị Tòa án xét xử do vậy lần phạm tội này bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Luật sư bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy nhận thức của bị cáo về tội phạm ma túy là rõ ràng do tội phạm về ma túy được các ngành, đoàn thể tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về pháp luật rất rộng rãi và thường xuyên. Hơn nữa tổng khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ là 7,64 gam cho cả Heroine và Methamphetamine là một khối lượng lớn do vậy không có cơ sở để chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư bào chữa.

Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cố gắng cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, tài sản trong gia đình không có gì giá trị, bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Thào A P.

[8] Các vấn đề khác:

Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ bị cáo khai đưa tiền cho một người phụ nữ dân tộc Thái khoảng 50 tuổi bị cáo không rõ lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có đủ cơ sở để làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo khai nhận cầm tiền của Sùng Thị D để liên lạc với người của D giao tiền và nhận ma túy về cho D. Quá trình điều tra Sùng Thị D không thừa nhận lời khai của bị cáo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không chứng minh được hành vi của Sùng Thị D. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối tượng Sinh A C, sinh năm 1976, địa chỉ ở bản Móc 4, xã N1, huyện N, tỉnh Điện Biên ở nhà Sùng Thị D khi Thào A P đến sử dụng Heroine và nhận tiền của D. Quá trình điều tra đối tượng này không có mặt tại địa bàn cư trú do vậy không có cơ sở để làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng:

Vật chứng của vụ án là 7,19 gam Heroine, trích mẫu gửi giám định 0,56 gam không hoàn lại đối tượng giám định và 0,45 gam Methamphetamine, trích mẫu gửi

giám định 0,08 gam không hoàn lại đối tượng giám định. Vật chứng này tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng là một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT cơ quan điều tra tạm giữ của Thào A P. Chiếc điện thoại này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không chứng minh được là phương tiện để bị cáo Thào A P thực hiện hành vi phạm tội. Vật chứng này được trả lại cho bị cáo Thào A P điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm n khoản 2 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Thào A P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo **Thào A P 05** (năm) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 24/12/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 7,64 gam Heroine và Methamphetamine, trích mẫu gửi giám định 0,64 gam không hoàn lại đối tượng giám định. Vật chứng còn lại 07 gam và được đựng trong phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 16/5/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

+ Trả lại cho bị cáo Thào A P một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 16/5/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

2. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 21/6/2019.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo, Luật sư bào chữa;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Mạnh Huân

HỘI THẨM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ HỘI THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Văn Tuấn Nguyễn Mạnh Huân Thùng Văn Liên

